

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Doãn; bà Ngô Thị Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T** - Sinh năm 1990; CCCD: 038190041177

Địa chỉ: **Thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

2/ Bị đơn: Anh **Bùi Văn B** - Sinh năm: 1985; CCCD: 038085021778

Địa chỉ: **Thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/01/2026 và bản tự khai nguyên đơn chị **Trần Thị T** trình bày: chị và anh **Bùi Văn B** kết hôn với nhau vào ngày 20/9/2010, trên cơ sở tự nguyện, được **UBND xã H, huyện H (nay là xã H), tỉnh Thanh Hóa** cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do anh **B** nghe lời mẹ đẻ, thường xuyên đánh đập, đuổi chị đi rất nhiều lần. Chị đã chịu đựng, chung sống cùng anh **B** để con có gia đình nhưng anh **B** vẫn chứng nào tật nấy. Năm 2015, vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị được ly hôn anh **B** theo quy định; về con: vợ chồng có 02 con chung là **Bùi Thị T1**, sinh ngày 03/9/2012 và **Bùi Thị Kim N**, sinh ngày 29/10/2015. Hiện tại cháu **N** đang ở cùng chị, cháu **T1** đang ở cùng anh **B**. Sau ly hôn, chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N**; giao cháu **T1** cho anh **B** trực tiếp

nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh **Bùi Văn B**: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật, anh **B** cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh **B** vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn; đồng thời không tiến hành hòa giải với các đương sự. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Mặc dù anh **B** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị **T** vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng chị vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu. Đối với bị đơn anh **B** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị **T**, anh **B**.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thanh Hoá phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị T**, cho chị **T** được ly hôn anh **Bùi Văn B**. Về con: giao cháu **Bùi Thị Kim N**, sinh ngày 29/10/2015 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu **Bùi Thị T1**, sinh ngày 03/9/2012 cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng; Chị **T**, anh **B** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị **T** phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị **Trần Thị T** và anh **Bùi Văn B** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: theo chị **T** trình bày do

anh **B** nghe lời mẹ đẻ, thường xuyên đánh đập, đuổi chị đi rất nhiều lần. Tuy nhiên, chị đã chịu đựng để hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, anh **B** vẫn không thay đổi. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Chị **T** đề nghị ly hôn anh **B** theo quy định. Xét thấy, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị **Trần Thị T**, cho chị **T** được ly hôn anh **B** là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là **Bùi Thị T1**, sinh ngày 03/9/2012 và **Bùi Thị Kim N**, sinh ngày 29/10/2015. Sau ly hôn, chị **T** đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Bùi Thị Kim N**, sinh ngày 29/10/2015; giao cháu **Bùi Thị T1**, sinh ngày 03/9/2011 cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng; Chị **T**, anh **B** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

Xét yêu cầu của chị **T** về việc đề nghị được trực tiếp nuôi cháu **N** và giao cháu **T1** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và chính đáng. Qua xác minh tại **UBND xã H** thì cháu **N** đang ở cùng chị **T**, cháu **T1** đang ở cùng anh **B**. Để cha, mẹ đều có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị **T** về việc giao cháu **N** cho **T** trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu **T1** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định và thực tế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T**, anh **B** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí DSST về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị T**, cho chị **T** được ly hôn anh **Bùi Văn B**.

2. Về con: Giao cháu **Bùi Thị Kim N**, sinh ngày 29/10/2015 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu **Bùi Thị T1**, sinh ngày 03/9/2012 cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng; Chị **T** và anh **B** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị T** phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu, ký hiệu: BLTU/26E, số

0000676, ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị **T** đã nộp đủ án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Chị **T**, anh **B** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Thanh Hóa;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
(UBND xã Hoà Lộc cũ)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huệ

